

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST

Ngày: 12-06-2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng gia công*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Đông Thanh
- ***Các hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Kim Thành và ông Nguyễn Văn Đồi
- ***Thư ký phiên tòa:*** Nguyễn Thị Lành – Cán bộ Tòa án nhân dân quận

S, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 03/2018/TLST-KDTM ngày 08 tháng 02 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng gia công*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 4 năm 2018; quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST-KDTM ngày 14/5/2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** **Công ty TNHH MTV Q**; trụ sở: Đường Phạm Văn Đ, khối 1, thị trấn N, huyện N tỉnh Q. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thúy K, sinh năm 1994 và ông Võ Quang K, sinh năm 1995; cùng trú tại: Số 557 Nguyễn Hữu T, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. (*Theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2018*). ***Có mặt.***

- ***Bị đơn:*** **Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C**; trụ sở: Số 06 Lý Văn T, phường An Hải B, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang V, chức vụ: Tổng giám đốc. ***Vắng mặt lần 02 không lý do.***

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 15/01/2018; 30/01/2018; 13/3/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Thúy K và ông Võ Quang K trình bày:*

Vào ngày 19 tháng 03 năm 2015 giữa Công ty TNHH MTV Q và Công ty Cổ Phần nhà thép tiền chế C có ký với nhau:

- Hợp đồng kinh tế số 1903/HĐKT/2015 với nội dung là Công ty Q nhận gia công sản xuất khối lượng thép là 31.119 kg tại hạng mục cầu đường tuyến D Dự án Numberone C, Q. Giá trị hợp đồng là 570.116.000 đồng, giá trị quyết toán 570.116.000 đồng.

- Hợp đồng 2103/HĐKT/2015 với nội dung là Công ty Q nhận gia công sản xuất khối lượng thép là 25440 kg tại hạng mục dầm sàn tháp cô đặc trực 1-6 tầng 1 Dự án Numberone C, Q. Giá trị hợp đồng là 466.072.000 đồng, giá trị quyết toán 456.515.000 đồng.

Tại điều 3.1 nghiệm thu và thanh toán của từng hợp đồng: Sau khi bên B hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc thực tế, 2 bên tiến hành nghiệm thu công việc, căn cứ vào khối lượng thực tế đã được nghiệm thu. Bên A thanh toán cho bên B 85% tổng giá trị khối lượng hoàn thành. Tập kết tại công trình trong vòng 10 ngày kể từ ngày nghiệm thu công việc. Số tiền 10% giá trị bên A tạm giữ lại cho việc đảm bảo được chủ đầu tư nghiệm thu và sẽ thanh toán dứt điểm cho bên B trong vòng 7 ngày kể từ ngày bên A nhận biên bản chấp nhận nghiệm thu của chủ đầu tư. Giá trị 5% là số tiền bên công ty CP Nhà thép tiền chế C giữ lại để bảo hành và khi hết thời gian 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu thì sẽ thanh toán cho bên Công ty TNHH MTV Q trong vòng 7 ngày.

Sau khi ký hợp đồng Công ty TNHH MTV Q đã thi công hoàn thiện 100% giá trị hợp đồng tại công trình. Công ty TNHH MTV Q đã nhiều lần làm đối chiếu công nợ, và đối chiếu công nợ cuối cùng cho 2 hợp đồng là vào ngày 13/5/2016.

Bên Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C cũng đã nhiều lần cam kết trả hết số tiền đã đối chiếu công nợ cho Công ty TNHH MTV Q, nhưng đến thời điểm này, bên Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C chỉ mới thanh toán cho Công ty TNHH MTV Q số tiền là 580.000.000 đồng. Chi tiết các lần thanh toán được ghi rõ trong

bảng theo dõi công nợ của Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C được đại diện công ty TNHH MTV Q lập vào ngày 31/12/2016. Cụ thể:

Ngày 01/09/2015: Thanh toán 30.000.000đ

Ngày 09/10/2015: Thanh toán 150.000.000đ

Ngày 20/10/2015: Thanh toán 150.000.000đ

Ngày 17/12/2015: Thanh toán 100.000.000đ

Ngày 03/02/2016: Thanh toán 100.000.000đ

Ngày 05/02/2016: Thanh toán 49.978.000đ

Phí chuyển tiền ngày 05/02/2016: 22.000đ

Căn cứ vào biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 13 tháng 05 năm 2016 giữa Công ty TNHH MTV Q và thì tính đến ngày 13/5/2016 Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C còn nợ Công ty TNHH MTV Q chúng tôi số tiền là **446.631.000** đồng (*Bốn trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi một nghìn đồng*). Sau đó chúng tôi đã rất nhiều lần yêu cầu Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C trả nợ nhưng Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C tìm mọi lý do để kéo dài thời gian trả tiền.

Nhận thấy Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C đã không có thiện chí trong việc trả số tiền nợ nêu trên mặc dù họ có đủ khả năng để thực hiện việc này, nên Công ty TNHH MTV Q chúng tôi khởi kiện Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C phải trả cho Công ty chúng tôi số tiền là **446.631.000** đồng (*Bốn trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng*) và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Tại phiên tòa hôm nay, chúng tôi yêu cầu tính lãi suất đến thời điểm xét xử ngày (12/6/2018) và thay đổi thời gian tính lãi suất như sau:

Thời gian chậm thanh toán tính từ ngày 14/05/2016 đến ngày xét xử là ngày 12/06/2018 là 02 năm 29 ngày.

Lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN là: 9%/1 năm.

=> Lãi suất quá hạn trên một năm là: $9\% \times 150\% = 13,5\%$

Số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là:

$446.613.000 \times 02 \text{ năm} \times 13,5\% + \{(446.613.000 \times 13,5\%)/ 365\} \times 29 \text{ ngày} = 120.585.510 + 4.790.383 = 125.375.893 \text{ đồng.}$

Như vậy, tổng số tiền Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Q là: **572.006.893 đồng**. Trong đó:

Nợ gốc: 446.631.000 đồng.

Nợ lãi: 125.375.893 đồng.

Tổng số tiền Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C phải thanh toán cho chúng tôi tạm tính là: **572.006.893 đồng** (*Năm trăm bảy mươi hai triệu không trăm lẻ sáu ngàn tám trăm chín mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 446.631.000 đồng; nợ lãi: 125.375.893 đồng.

** Bị đơn Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư lý, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của BLTTDS. Đại diện nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14/3/2018; 02/4/2018; phiên tòa ngày 14/5/2018 và ngày hôm nay 12/6/2018 là chưa chấp hành đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 290; 547; 552 và 557 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 306 Luật thương mại; Điều 140 và 144 Luật xây dựng năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Q số tiền **572.006.893 đồng** (*Năm*

trăm bảy mươi hai triệu không trăm lẻ sáu ngàn tám trăm chín mươi ba đồng).

Trong đó: Nợ gốc: 446.631.000 đồng; nợ lãi: 125.375.893 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

- Đơn khởi kiện của Công ty TNHH MTV Q nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

- Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đại diện nguyên đơn Công ty TNHH MTV Q trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Công ty TNHH MTV Q đã thi công hoàn thiện 100% giá trị hợp đồng tại công trình cho Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C theo 02 Hợp đồng kinh tế số 1903/HĐKT/2015 và số 2103/HĐKT/2015 ngày 19/3/2015 (Thể hiện tại bảng xác định giá trị quyết toán khối lượng hoàn thành theo hợp đồng số 1903/HĐKT/2015, bảng xác định giá trị quyết toán khối lượng hoàn thành theo hợp đồng số 2103/HĐKT/2015) và biên bản đối chiếu công nợ thể hiện tính đến ngày 13 tháng 05 năm 2016, Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C còn nợ số tiền 446.631.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi một ngàn đồng*).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C phải thanh toán tổng số tiền **572.006.893 đồng** (*Năm trăm bảy mươi hai triệu không trăm lẻ sáu ngàn tám trăm chín mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 446.631.000 đồng; nợ lãi: 125.375.893 đồng (lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/6/2018).

[3] Xét các yêu cầu của Công ty TNHH MTV Q thì thấy:

Ngày 19/3/2015 Công ty TNHH MTV Q và Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C đã thống nhất ký 02 hợp đồng về việc nhận gia công sản xuất khối lượng thép tại Dự án Numberone C, Q. Đây là hợp đồng kinh tế được các bên ký kết đúng về hình thức và nội dung nên được thừa nhận và bảo vệ, các bên có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bảng xác định giá trị quyết toán khối lượng hoàn thành theo hợp đồng số 1903/HĐKT/2015, bảng xác định giá trị quyết toán khối lượng hoàn thành theo hợp đồng số 2103/HĐKT/2015 thể hiện Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C còn nợ Công ty TNHH MTV Q số tiền 1.026.631.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C chỉ mới thanh toán được 580.000.000 đồng thể hiện qua các lần thanh toán ghi rõ trong bảng theo dõi công nợ được lập vào ngày 31/12/2016, cụ thể:

Ngày 01/9/2015: Thanh toán 30.000.000 đồng

Ngày 09/10/2015: Thanh toán 150.000.000 đồng

Ngày 20/10/2015: Thanh toán 150.000.000 đồng

Ngày 17/12/2015: Thanh toán 100.000.000 đồng

Ngày 03/02/2016: Thanh toán 100.000.000 đồng

Ngày 05/02/2016: Thanh toán 49.978.000 đồng

Phí chuyển tiền ngày 05/02/2016: 22.000 đồng.

Số nợ còn lại được hai bên đối chiếu công nợ vào ngày 13/5/2016 thể hiện Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C còn nợ Công ty TNHH MTV Q số tiền 446.631.000 đồng. Do Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C chưa thanh toán, nên Công ty TNHH MTV Q khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C thanh toán số tiền còn nợ của 02 hợp đồng là 446.631.000 đồng là có cơ sở phù

hợp với các Điều 290; 547; 552 và 557 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 140; 144 của Luật xây dựng năm 2014, nên được chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Do Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên việc Công ty TNHH MTV Q yêu cầu tính lãi chậm thanh toán tính từ ngày 14/5/2016 đến ngày xét xử ngày 12/6/2018 là: $446.613.000 \times 02 \text{ năm} \times 13,5\% + \{(446.613.000 \times 13,5\%)/365\} \times 29 \text{ ngày} = 120.585.510 + 4.790.383 = 125.375.893 \text{ đồng}$.

HĐXX xét thấy: Mặc dù trong hợp đồng cũng như biên bản đối chiếu công nợ không thỏa thuận về nghĩa vụ trả lãi do chậm thanh toán nhưng căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả nhưng do nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là $9\% \times 150\% = 13,5\%$ thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm cụ thể, căn cứ vào mức lãi suất của liên Ngân hàng là: $(15.75\% + 15\% + 15.3\%) : 3 = 15.35\%$ nên HĐXX thấy phù hợp nên cần chấp nhận.

Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH MTV Quang Huynh, buộc Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C phải thanh toán số tiền **572.006.893 đồng** (*Năm trăm bảy mươi hai triệu không trăm lẻ sáu ngàn tám trăm chín mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 446.631.000 đồng; nợ lãi: 125.375.893 đồng (lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/6/2018).

[5] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về số tiền 573.753.348 đồng, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh, thương mại với mức thu là:

$\{572.006.893 \text{ đồng}\} = [20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 172.006.893 \text{ đồng}) = 6.879.555 \text{ đồng}] = 26.880.275 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016;

Điều 290; 547; 552 và 557 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 140 và 144 Luật xây dựng năm 2014 và Điều 306 Luật Thương mại;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Tranh chấp hợp đồng gia công*” của Công ty TNHH MTV Q đối với Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C.

Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Q số tiền **572.006.893 đồng** (*Năm trăm bảy mươi hai triệu không trăm lẻ sáu ngàn tám trăm chín mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 446.631.000 đồng; nợ lãi: 125.375.893 đồng (lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/6/2018).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí KDTM - ST:

- Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế C phải chịu: 26.880.275 đồng (*Hai mươi sáu triệu tám trăm tám mươi ngàn hai trăm bảy mươi lăm đồng*).

- Hoàn lại cho Công ty TNHH MTV Q số tiền 12.206.844 đồng (*Mười hai triệu hai trăm lẻ sáu ngàn tám trăm bốn mươi bốn đồng*) theo biên lai thu số 8525 ngày 06/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đường sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đông Thanh

